TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT
PHÒNG ĐÀO TẠO

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
Đợt xét: D6 - 30/03/2021

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
1	420156	Nguyễn Thị	Dinh	08/10/1999	Nam Định	Nữ	Kinh	Việt Nam	4201	126	7.15	2.76	Khá	Ngành Luật
2	420245	Phạm Kiều	Anh	11/05/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4202	130	6.82	2.56	Khá	Ngành Luật
3	420239	Nguyễn Đức	Dũng	28/01/1999	Phú Thọ	Nam	Kinh	Việt Nam	4202	137	7.15	2.82	Khá	Ngành Luật
4	420201	Hoàng Hương	Giang	20/06/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	4202	127	6.88	2.59	Khá	Ngành Luật
5	420219	Phan Thị	Hiền	13/03/1999	Vĩnh phúc	Nữ	Kinh	Việt Nam	4202	130	7.15	2.85	Khá	Ngành Luật
6	420254	Mạc Thị Như	Hoa	25/09/1999	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4202	126	7.55	2.96	Khá	Ngành Luật
7	420210	Vương Minh	Khánh	24/06/1999	Hà Giang	Nữ	Bố y	Việt Nam	4202	128	7.24	2.87	Khá	Ngành Luật
8	420224	Trần Thị Thu	Trang	04/11/1999	Quảng Ninh	Nữ		Việt Nam	4202	129	7.12	2.75	Khá	Ngành Luật
9	420204	Nông Kiều	Trinh	21/09/1999	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	4202	126	7.15	2.79	Khá	Ngành Luật
10	420316	Lò Thị	Hương	08/06/1998	Điện Biên	Nữ	Thái	Việt Nam	4203	126	7.18	2.81	Khá	Ngành Luật
11	420424	Vũ Viết	Lâm	14/06/1999	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	4204	128	6.82	2.59	Khá	Ngành Luật
12	420541	Đỗ Thị	Hoàn	14/02/1999	VĨNH PHÚC	Nữ			4205	129	7.98	3.25	Giỏi	Ngành Luật
13	420505	Chảo Thị	Phầy	04/07/1997	Lai Châu	Nữ	Dao	Việt Nam	4205	126	7.21	2.84	Khá	Ngành Luật
14	420507	Đặng Phương	Thảo	03/11/1999	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	4205	128	7.29	2.85	Khá	Ngành Luật
15	420504	Hoàng Liên	Thảo	31/03/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	4205	127	6.98	2.64	Khá	Ngành Luật
16	420659	Trương Ngọc	Minh	25/10/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4206	129	7.69	3.14	Khá	Ngành Luật
17	420603	Bàn Thị	Thảo	10/11/1999	Bắc Kạn	Nữ	Dao	Việt Nam	4206	127	7.41	2.98	Khá	Ngành Luật
18	420628	Bùi Anh	Việt	26/11/1999	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	4206	126	7.18	2.83	Khá	Ngành Luật
19	420713	Hoàng Thị	Lựu	09/03/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	4207	131	6.98	2.68	Khá	Ngành Luật
20	420762	Hoàng Xuân	Trường	18/03/1998	THÁI NGUYÊN	Nam	Nùng	Việt Nam	4207	128	7	2.71	Khá	Ngành Luật
21	420840	Lê Việt	Anh	19/02/1999	Điện Biên	Nam	Kinh	Việt Nam	4208	131	6.53	2.4	Trung bình	Ngành Luật
22	420801	Lục Thanh	Hưng	24/02/1999	Thái Nguyên	Nam	Sán Dìu	Việt Nam	4208	129	6.98	2.7	Khá	Ngành Luật
23	420812	Nguyễn Vân	Khanh	04/09/1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4208	128	7.66	3.11	Khá	Ngành Luật
24	420807	Lò Văn	Mạnh	05/06/1998	Sơn La	Nam	Thái	Việt Nam	4208	129	6.87	2.62	Khá	Ngành Luật
25	420836	Phạm Nguyễn Thành	Nam	29/09/1999	Nam Định	Nam	Kinh	Việt Nam	4208	128	6.87	2.6	Khá	Ngành Luật
26	420920	Vương Chu Đình	Đại	28/11/1999	Thái Nguyên	Nam	Nùng	Việt Nam	4209	144	6.67	2.5	Khá	Ngành Luật
27	420911	Trần Thị Khánh	Huyền	13/08/1999	Hà tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4209	127	7.22	2.8	Khá	Ngành Luật
28	420922	Cao Thành	Nam	10/01/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4209	128	6.75	2.5	Khá	Ngành Luật
29	420901	Phạm Cẩm	Oanh	15/12/1999	Lai Châu	Nữ	Kinh	Việt Nam	4209	126	7.08	2.78	Khá	Ngành Luật
30	421031	Bùi Ngọc	ánh	26/02/1999	Hoà Bình	Nữ	Mường	Việt Nam	4210	128	6.95	2.68	Khá	Ngành Luật

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
31	421063	Nguyễn Minh	Đức	19/05/1998	BẮC KẠN	Nam	Tày	Việt Nam	4210	128	6.68	2.53	Khá	Ngành Luật
32	421026	Lê Quốc	Hưng	01/10/1999	Nghệ An	Nam	Kinh	Việt Nam	4210	129	6.92	2.64	Khá	Ngành Luật
33	421016	Hoàng Thị	Khánh	17/10/1999	Hà Giang	Nữ	La chí	Việt Nam	4210	126	7.46	2.97	Khá	Ngành Luật
34	421163	Phượng Thị Hồng	Hiếu	08/04/1998	Hà giang	Nữ	Dao	Việt Nam	4211	126	6.67	2.45	Trung bình	Ngành Luật
35	421234	Đỗ Xuân	Đức	17/03/1999	Thanh Hoá	Nam	Kinh	Việt Nam	4212	128	6.98	2.68	Khá	Ngành Luật
36	421249	Lê Thị Lam	Giang	19/02/1999	Điện Biên	Nữ	Thái	Việt Nam	4212	126	7.23	2.83	Khá	Ngành Luật
37	421225	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	26/11/1999	Hải Dương	Nữ	Kinh	Việt Nam	4212	128	7.27	2.86	Khá	Ngành Luật
38	421334	Lê Quý	Hiếu	28/07/1999	Thanh Hóa	Nam	Kinh	Việt Nam	4213	128	7.06	2.71	Khá	Ngành Luật
39	421328	Phạm Thái	Sơn	08/07/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4213	127	7.27	2.85	Khá	Ngành Luật
40	421407	Lê Yến	Hằng	24/06/1999	Bắc Cạn	Nữ	Nùng	Việt Nam	4214	127	7.79	3.13	Khá	Ngành Luật
41	421404	Nguyễn Thị	Huệ	01/11/1999	Băc Giang	Nữ	Kinh	Việt Nam	4214	127	7.72	3.12	Khá	Ngành Luật
42	421405	Trần Thị	Tươi	05/09/1999	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	Việt Nam	4214	127	7.88	3.23	Giỏi	Ngành Luật
43	421543	Lê Nhật	Anh	29/11/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4215	129	7.01	2.73	Khá	Ngành Luật
44	421531	Hoàng Thanh	Hương	19/03/1999	Tuyên Quang	Nữ	Nùng	Việt Nam	4215	130	6.77	2.51	Khá	Ngành Luật
45	421532	Trần Phương	Mai	31/08/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4215	128	7.02	2.71	Khá	Ngành Luật
46	421547	Nguyễn Lê Thuý	Phương	17/12/1999	Đăk Lăk	Nữ	Kinh	Việt Nam	4215	128	7.31	2.84	Khá	Ngành Luật
47	421658	Lưu Thị Thu	Hà	15/05/1998	Vĩnh Phúc	Nữ	Sán Dìu	Việt Nam	4216	127	7.44	2.97	Khá	Ngành Luật
48	421647	Nguyễn Diệu	Hà	23/06/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4216	126	7.17	2.78	Khá	Ngành Luật
49	421604	Đặng Thị Thu	Hằng	28/09/1999	Phú thọ	Nữ	Kinh	Việt Nam	4216	127	7.26	2.85	Khá	Ngành Luật
50	421605	Hà Thị	Uyên	07/02/1999	TUYÊN QUANG	Nữ	Tày	Việt Nam	4216	126	7.06	2.72	Khá	Ngành Luật
51	421661	Hoàng Thị Mai	Vân	09/05/1998	Cao Bằng	Nữ	Tày	Việt Nam	4216	128	7.13	2.8	Khá	Ngành Luật
52	421745	Vũ Thị Thu	An	30/09/1999	Thái Nguyên	Nữ	Kinh	Việt Nam	4217	130	7.28	2.87	Khá	Ngành Luật
53	421746	Đoàn Phương	Anh	04/12/1999	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	4217	138	7.91	3.21	Giỏi	Ngành Luật
54	421764	Giàng A	Súa	28/07/1998	lai châu	Nam	HMông	Việt Nam	4217	135	6.65	2.51	Khá	Ngành Luật
55	421810	Dương Thị	Huệ	09/10/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	4218	127	7.14	2.78	Khá	Ngành Luật
56	421819	Nguyễn Thị	Thương	06/06/1999	Hà Tây	Nữ	Kinh	Việt Nam	4218	128	7.29	2.79	Khá	Ngành Luật
57	421922	Phùng Xuân	Minh	14/04/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4219	126	7.31	2.89	Khá	Ngành Luật
58	422102	Lò Văn	Hiếu	01/01/1999	Thanh Hóa	Nam	Thái	Việt Nam	4221	128	7.16	2.79	Khá	Ngành Luật
59	422124	Nguyễn Phú	Sỹ	24/10/1999	Hà Nội	Nam	Kinh	Việt Nam	4221	128	7.61	3.08	Khá	Ngành Luật
60	422119	Dương Huyền	Thanh	29/04/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4221	127	7.47	2.97	Khá	Ngành Luật
61	422263	Hà Kiều	Anh	13/07/1999	Lạng sơn	Nữ	Nùng	Việt Nam	4222	130	6.93	2.64	Khá	Ngành Luật
62	422258	Giàng A	Gióng	25/04/1998	Điện Biên	Nam	HMông	Việt Nam	4222	126	6.51	2.38	Trung bình	Ngành Luật
63	422339	Nguyễn Khánh	Ly	02/09/1999	Thanh Hóa	Nữ	Nùng	Việt Nam	4223	126	7.48	3	Khá	Ngành Luật kinh tế
64	422547	Nguyễn Mạnh	Cường	29/12/1999	Tuyên Quang	Nam			4225	126	6.88	2.64	Khá	Ngành Luật kinh tế
65	422607	Nguyễn Thị	Thu	16/12/1998	Thanh Hóa	Nữ	Mường	Việt Nam	4226	127	7.75	3.14	Khá	Ngành Luật kinh tế

TT	Mã sinh viên	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
66	422744	Lê Thị Thuý	Nga	26/04/1999	Xóm Thuần Chân,Xã Thuần Thiện, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	Việt Nam	4227	127	7.76	3.18	Khá	Ngành Luật kinh tế
67	422830	Trần Thủy	Tiên	21/05/1999	Thái Bình	Nữ	Kinh	Việt Nam	4228	131	8.04	3.29	Giỏi	Ngành Luật kinh tế
68	422945	Ngô Minh	Hoàng	17/11/1999	Ninh Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	4229	131	6.91	2.62	Khá	Ngành Luật TMQT
69	423009	Trần Thục	Anh	06/12/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4230	130	7.26	2.81	Khá	Ngành Luật TMQT
70	423012	Lê Hoàng	Dương	25/11/1999	Hưng Yên	Nam	Kinh	Việt Nam	4230	131	7.27	2.8	Khá	Ngành Luật TMQT
71	423017	Nguyễn Thanh	Tùng	30/07/1999	Quảng Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	4230	130	7.17	2.74	Khá	Ngành Luật TMQT
72	423120	Bùi Thị Hà	Anh	17/11/1999	Hải Phòng	Nữ	Kinh	Việt Nam	4231	128	7.52	3.02	Khá	Ngành ngôn ngữ Anh
73	420926	Ngô Lê Trường	An	15/03/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	Việt Nam	4232	130	7.87	3.18	Khá	Ngành Luật chất lượng cao
74	423240	Vũ Thu	Trang	17/09/1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	Việt Nam	4232	133	8.17	3.34	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
75	421158	Bế Thị	Thư	28/08/1999	Lạng Sơn	Nữ	Tày	Việt Nam	4233	130	7.41	2.93	Khá	Ngành Luật chất lượng cao
76	423439	Bùi Việt	Anh	06/02/1999	Thái Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	4234	133	7.72	3.11	Khá	Ngành Luật chất lượng cao
77	421512	Vương Thị Quỳnh	Hoa	01/06/1999	Nghệ An	Nữ	Kinh	Việt Nam	4234	127	8.38	3.45	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
78	423543	Trần Đặng Thùy	Linh	05/09/1999	Hưng Yên	Nữ	Kinh	Việt Nam	4235	140	7.81	3.15	Khá	Ngành Luật chất lượng cao
79	423533	Phạm Vũ Thủy	Tiên	16/05/1999	Bắc Ninh	Nữ	---	Việt Nam	4235	130	7.92	3.21	Giỏi	Ngành Luật chất lượng cao
80	423508	Đinh Tuấn	Trung	17/03/1999	Sơn La	Nam			4235	126	7.2	2.85	Khá	Ngành Luật chất lượng cao

Việt Nam	77	Khá	*70*	*87.5*
Khác	3	Giỏi	*7*	*8.75*
Tổng cộng	80	Trung bình	*3*	*3.75*
		Tổng cộng	80	

TT	Mã sinh viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Lớp quản lý	Số TCTL	Điểm TBTL	Điểm TBTL Hệ 4	Xếp loại	Ngành tốt nghiệp
									ngày 28 tháng 3 năm 2022				